

97/A138

BỘ Y TẾ  
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC  
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 18/01/2013

WHO GMP

# Cadineuron

Magnesi lactat dihydrat .....470mg  
Pyridoxin hydroclorid .....5mg

10 vi x 10 viên nén bao phim

CADIPHARM WHO GMP

**Composition:**  
Each film coated tablet contains:  
Magnesi lactat dihydrat .....470mg  
Pyridoxin hydroclorid .....5mg  
Excipients q.s. ....1tablet

**Indications, contra-indications, dosage, administration:**  
Please refer to enclosed package insert.

**Storage:**  
In a dry and cool place, below 30°C, protect from direct sunlight.

**Specification:** Manufacturer.

*Keep out of reach of children.  
Read the package insert carefully before use.*

**USP** Manufacturer: US PHARMA USA COMPANY LIMITED  
Lot B1-10, D2 Street, Tay Bac Cu Chi industrial Zone, HCMC.

SDK (Reg. No.):  
Số lô SX (Batch No.):  
Ngày SX (Mfd.):  
HD (Exp.):

WHO GMP

# Cadineuron

Magnesi lactat dihydrat .....470mg  
Pyridoxin hydroclorid .....5mg

10 Blisters x 10 film coated tablets

**Thành phần:**  
Mỗi viên nén bao phim chứa:  
Magnesi lactat dihydrat .....470mg  
Pyridoxin hydroclorid .....5mg  
Excipients q.s. ....1tablet

**Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng:**  
Xem tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.

**Bảo quản:**  
Nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

**Tiêu chuẩn:** Nhà sản xuất.

*Để xa tầm tay trẻ em.  
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.*

**USP** Nhà sản xuất: Công Ty TNHH US PHARMA USA  
Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. HCM



SDK: D:03026649/15-C.T.C.P  
CÔNG TY  
CƠ PHÂN  
DƯỢC PHẨM  
CÁN GIỜ  
TP. HỒ CHÍ MINH





## CADINEURON

Viên nén bao phim

### Thành phần

Mỗi viên nén bao phim chứa  
Magnesi lactat dihydrat 470,00 mg

Pyridoxin hydroclorid 5,00 mg

Tá dược: Tinh bột sắn, Lactose, Polyvinyl pyrrolidon (PVP) K30, Natri starch glycolat, Talc, Magnesi stearat, Hydroxypropylmethyl cellulose (HPMC) 606, Hydroxypropylmethyl cellulose (HPMC) 615, PEG 6000, Titan dioxyt.

### Phân loại

CADINEURON là thuốc được dùng điều trị các trường hợp thiếu Magnesium

### Chỉ định

CADINEURON được chỉ định các trường hợp :

- Thiếu Magnesium nặng, riêng biệt hay kết hợp.
- Rối loạn các chức năng trong trường hợp co giật tetani hay tạng co giật khi chưa có thuốc điều trị đặc hiệu.

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần biết thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.*

### Liều lượng và cách dùng

Liều dùng và thời gian dùng thuốc cho từng trường hợp cụ thể theo chỉ định của Bác sĩ điều trị.  
Người lớn :

- Thiếu magnesi huyết nặng: uống 6 viên/ngày.
- Tạng co giật: uống 4 viên/ngày.

Nên chia liều dùng làm 2-3 lần mỗi ngày (vào các bữa sáng, trưa và chiều)

### Cách dùng

Uống thuốc với nhiều nước.

### Chống chỉ định

- Suy thận nặng với độ thanh thải của creatinin dưới 30 ml/phút.
- Phối hợp với levodopa vì có sự hiện diện của vitamin B6.

### Thận trọng

- Khi có thiếu calci đi kèm thì phải bù Magnesi trước khi bù calci.
- Trong trường hợp suy thận mức độ vừa, cần thận trọng nhằm phòng ngừa các nguy cơ liên quan đến tăng Magnesi máu.
- Sau thời gian dài dùng pyridoxin với liều 200 mg/ngày, có thể đã thấy biểu hiện độc tính thần kinh (như bệnh thần kinh ngoại vi nặng và bệnh thần kinh cảm giác nặng). Dùng liều 200 mg mỗi ngày, kéo dài trên 30 ngày có thể gây hội chứng lệ thuộc pyridoxin.

*Thời kỳ mang thai:*

Chỉ dùng Magnesi cho phụ nữ có thai khi cần thiết.

*Thời kỳ cho con bú:*

Do Magnesi được bài tiết qua sữa mẹ, không dùng Magnesi cho phụ nữ đang cho con bú.

*Lái xe và vận hành máy móc:* Không ảnh hưởng.

### Tương tác thuốc

Không dùng CADINEURON phối hợp các thuốc sau:



- Levodopa: Pyridoxin làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson; điều này không xảy ra với chế phẩm là hỗn hợp levodopa - carbidopa hoặc levodopa - benserazid
- Phenytoin và phenobarbiton: Liều dùng Pyridoxin 200 mg/ngày có thể gây giảm 40 - 50% nồng độ phenytoin và phenobarbiton trong máu ở một số người bệnh.
- Thuốc tránh thai: Pyridoxin có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai. Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu về pyridoxin
- Quinidine: tăng lượng quinidine trong huyết tương và nguy cơ quá liều.
- Với các chế phẩm có chứa phosphate hoặc canxi là các chất ức chế quá trình hấp thu Magnesiumum tại ruột non.
- Trường hợp phải điều trị phối hợp với tetracycline đường uống thì phải dùng 2 loại thuốc cách khoảng nhau ít nhất 3 giờ.

#### **Tác dụng phụ**

- Có thể gặp trên đường tiêu hóa: tiêu chảy, đau bụng
- Dùng liều Vitamin B6 200 mg/ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ dáng đi không vững và tê cứng bàn chân đến tê cứng và vụng về bàn tay. Tình trạng này có thể hồi phục khi ngừng thuốc, mặc dù vẫn còn để lại ít nhiều di chứng.

#### **Quá liều và cách xử trí :**

Thường ít khi quá liều Magnesium vì cơ thể có khả năng điều chỉnh lượng Magnesium. Tuy nhiên nếu người bệnh uống quá nhiều Magnesium sẽ bị tiêu chảy

Chưa có thuốc giải độc đặc hiệu cho Magnesium và vitamin B6.

Trong trường hợp quá liều hoặc trẻ em uống nhầm thuốc, chuyển ngay bệnh nhân đến trung tâm Y tế gần nhất và mang theo toa thuốc này.

***Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.***

#### **Dạng trình bày**

Hộp 10 vỉ, vỉ 10 viên nén bao phim

#### **Tiêu chuẩn**

Nhà sản xuất

#### **Bảo quản**

Bảo quản thuốc ở nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

#### **Hạn dùng**

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

***Để thuốc xa tầm tay trẻ em.***

#### **Nhà sản xuất**

Công Ty TNHH US Pharma USA

Lô B1 - 10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam

***Mọi thắc mắc và thông tin chi tiết, xin liên hệ về số điện thoại 08-38230108***



PHÓ CỤC TRƯỞNG  
*Nguyễn Văn Khanh*

